TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNHĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 6 -2024
V/v: " *Tranh chấp ly hôn* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 968/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985.

- **Bị đơn**: Anh Phan Văn L, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Tổ C, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H và anh L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày : Chị và anh Phan Văn L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị và anh L đã tự sống ly thân cho đến nay,

không bàn bạc đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn anh Phan Văn L.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phan Thành T, sinh ngày 15/11/2013. Sau ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Tài sản chung: Chị và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Chị H có đơn yêu càu giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Văn L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L vào năm 2009, do cả hai cùng tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có cãi nhau chuyện nhỏ nhặt nhưng vợ chồng đều giải quyết được, chị H xin ly hôn là do anh ăn nhậu, chị H nhắc nhở nhiều lần. Từ khoảng năm 2021 vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng, ngoài ra mọi chuyện vẫn bình thường. Anh đã nhiều lần nói chuyện muốn hòa giải với chị H nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn tình cảm với vợ và con còn nhỏ nên không muốn gia đình tan vỡ.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phan Thành T, sinh ngày 15/11/2013, anh đề nghị chị H nuôi cháu T, anh tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị H, giao cháu Phan Thành T, sinh ngày 15/11/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung : Các đương sự tự thỏa thuận nên không xét.

Về nợ chung : Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn L tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo số 276, quyển số II/2009 ngày 21/12/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị H yêu cầu xin ly hôn anh L vì tình cảm vợ chồng không còn, anh L không đồng ý ly hôn vì anh còn tình cảm với chị H và do con còn nhỏ.

Xét thấy, chị H và anh L đều thừa nhận từ năm 2021, anh chị mặc dù sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau (ăn riêng, ngủ riêng) cho đến nay, không bàn bạc đoàn tụ được, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ nên căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phan Văn L.

[3] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là cháu Phan Thành T, sinh ngày 15/11/2013. Chị H yêu cầu được nuôi cháu T, anh L đồng ý. Xét thấy, cháu T đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu T có nguyện vọng được sống với chị H. Vì vậy, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị H nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[4] Tài sản chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung : Các đương sự khai không có nên không xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000 và Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Phan Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thành T, sinh ngày 15/11/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Phan Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0015027 ngày 06/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Liên